

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 31 - 5 - 2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Sen

Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu

+ Ông Đỗ Xuân Trường

Nghề nghiệp: Công chức văn hóa xã hội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXX - ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị S, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số nhà 44, ngõ 15, cụm 12, xã Thọ A, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số nhà 44, ngõ 15, cụm 12, xã Thọ A, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Đinh Thị S trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ A vào ngày 20/02/2003. Sau khi kết hôn, chị và anh Đ chung sống cùng bố mẹ anh Đ ở cụm 12, xã Thọ A. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: Anh Đ không chịu tu trí làm ăn, hay uống rượu, thường xuyên chơi cờ bạc, nợ nần và không quan tâm đến chị, các con. Đầu năm 2023, mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng; anh Đ chửi, đánh, đuổi chị. Gia đình anh Đ không can ngăn mà còn cổ xúy cùng anh Đ đuổi chị. Chị thuê nhà ở riêng kể từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Anh Đ không bàn bạc để vợ chồng đoàn tụ mà thường xuyên đến nhà chị ở trọ chửi chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt Đ nên cương quyết ly hôn với anh Đ.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn Đ có 04 con chung là: Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2003 (đã đến tuổi trưởng thành, tự lao động lo bản thân); Trần Hồng Nh, sinh ngày 02/01/2007; Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/11/2008 và Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 17/7/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng Đ nuôi các con Nhung, Huyền và Đoan nhưng do khả năng của chị không thể nuôi hết Đ. Chị xin nuôi cháu Nhung đề nghị Toà án giao cháu H và cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng.

Hiện nay, chị làm phụ xây thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng và đang thuê trọ. Ngoài ra, chị không còn thu nhập nào khác. Anh Đ là lao động tự do thu nhập cụ thể thế nào chị không rõ.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ và gia đình chồng: Không có

* Quá trình trình giải quyết vụ án anh Trần Văn Đ trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị S đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ anh ở cụm 12, xã Thọ A. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay. Chị S xin ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị S.

- Về con chung: Anh và chị Đinh Thị S có 04 con chung là: Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2003 (Đã đến tuổi trưởng thành); Trần Hồng Nh, sinh ngày 02/01/2007; Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/11/2008 và Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 17/7/2011. Các con Nh, H và Đ1 có nguyện vọng ở với ai thì anh đồng ý. Nếu anh nuôi các con thì anh không đề nghị chị S cấp dưỡng còn chị S nuôi con thì anh không cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có

- Về công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ và gia đình chồng: Không có.

Tại phiên tòa

Chị Đinh Thị S trình bày: Chị và anh Đ đã sống ly thân nhau đến nay đã hơn 01 năm kể từ khi chị chuyển ra ngoài thuê trọ, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên chị cương quyết xin ly hôn anh Đ. Hiện tại các con Th, Nh, H, Đ1 hàng ngày vẫn sinh hoạt cùng chị riêng buổi tối thì các con lại về nhà bố mẹ anh Đ nghỉ ngơi. Nay chị xin thay đổi xin nuôi cháu Nh, H vì các cháu là con gái; đề nghị giao cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng; chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng thì chị xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử Đ thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đinh Thị S và anh Trần Văn Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt Đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Đinh Thị S được ly hôn anh Trần Văn Đ. Chị S và anh Đ có 4 con chung là: Trần Thị Thanh Th (Đã đến tuổi trưởng thành); Trần Hồng Nh, Trần Thị Thanh H và Trần Ngọc Đ1. Giao chị Đinh Thị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nh, H; giao anh Trần Văn Đ nuôi dưỡng cháu Đ1 Cả chị S và anh Đ đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chấp nhận sự nguyện của đương sự. Chị S và anh Đ đều xác định không có tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết. Chị S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đinh Thị S khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn Đ có nơi cư trú: Cụm 12, xã Thọ A, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo, thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải Đ và xét xử vắng mặt anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị S xin Đ ly hôn với anh Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị S, anh Đ đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Thọ An, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị S và anh Đ phát sinh mâu thuẫn nên chị S thuê nhà ở riêng. Nguyên nhân: Theo chị S là do anh Đ mãi chơi, không quan tâm, không trách nhiệm với gia đình, anh Đ đã chửi, đuổi chị S; theo anh Đ vợ chồng anh vẫn hạnh phúc nên không muốn ly hôn với chị S. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Chị S thuê nhà ở riêng là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh Đ đã đuổi chị S; anh Đ đến nhà trọ chửi chị S; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau kể từ thời điểm chị S thuê nhà trọ ở riêng. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị S và anh Đ đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt Đ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị Đinh Thị S Đ ly hôn anh Trần Văn Đ là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Xét yêu cầu của chị S xin Đ nuôi cháu Trần Hồng Nh và Trần Thị Thanh H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị S, anh Đ xác định có 04 con chung là: Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2003 (đã đến tuổi trưởng thành); Trần Hồng Nh, sinh ngày 02/01/2007; Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/11/2008 và Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 17/7/2011. Do chị S và anh Đ ở riêng nhà nên cả 4 cháu lúc sinh hoạt cùng chị S, lúc sinh hoạt cùng anh Đ và bố mẹ anh Đ. Các cháu Nh, H, Đ1 đều có nguyện vọng ở cùng mẹ. Chị S xin nuôi cháu Nh, H. Anh Đ tôn trọng nguyện vọng của các con, trường hợp tất cả các con ở với anh Đ thì anh Đ đồng ý. Xét thấy, chị S đang thuê trọ, thu nhập có hạn còn anh Đ đang sinh sống cùng nhà của bố mẹ đẻ anh Đ kể từ khi vợ chồng kết hôn đến nay. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, cũng như sự phát triển về giới, Hội đồng xét xử giao chị S trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Nh, H; giao anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Cả chị S và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Xét yêu cầu của chị S và anh Đ là tự nguyện có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Chị S và anh Đ đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đinh Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị S. Cho chị Đinh Thị S được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Đinh Thị S và anh Trần Văn Đ xác định có 04 con chung là: Trần Thị Thanh Th, sinh năm 2003 (đã đến tuổi trưởng thành); Trần Hồng Nh, sinh ngày 02/01/2007; Trần Thị Thanh H, sinh ngày 18/11/2008 và Trần Ngọc Đ1, sinh ngày 17/7/2011. Giao cháu Trần Hồng Nh, Trần Thị Thanh H cho chị S nuôi dưỡng đến khi cháu Nh, cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Giao cháu Trần Ngọc Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị S, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị S, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai Đ cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ và công sức đóng góp vào khối tài sản chung của gia đình vợ, gia đình chồng: Không có.

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Đinh Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0010158 ngày 28/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Đinh Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Trần Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc kể từ ngày bản án Đ niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng
(Giấy CNKH ngày 20/02/2003);
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- UBND xã Thọ An, huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu

